



KỸ THUẬT SỐ, GIỜ ĐÃ NẰM TRONG TẦM TAY

DÒNG BỘ ĐÀM CẦM TAY HAI CHIỀU KỸ THUẬT SỐ MOTOTRBO™ XiR™ P6600



Làm thế nào để kết nối các nhân viên trong khi bạn đang giám sát các nguồn cung cấp trên một dây chuyền sản xuất hay giữ an toàn cho sinh viên trong khi bạn đang báo cáo một trường hợp khẩn cấp trên sân trường? Các giải pháp bộ đàm kỹ thuật số MOTOTRBO sẽ giúp bạn việc đó bằng cách trao cho bạn sức mạnh của hoạt động liên lạc kỹ thuật số.

Linh hoạt và mạnh mẽ, MOTOTRBO là sự kết hợp những tính năng ưu việt của bộ đàm hai chiều với công nghệ kỹ thuật số tối tân nhất. Dòng sản phẩm XiR P6600 sở hữu chất lượng âm thanh tuyệt hảo trong một giải pháp khả mở nhằm đáp ứng những nhu cầu liên lạc của bạn. Dòng bộ đàm này tích hợp cả tính năng analog nên bạn hoàn toàn có thể dần dần chuyển đổi sang công nghệ số tùy thuộc ngân sách và khả năng của bạn.

Dòng sản phẩm XiR P6600 có thể “chuẩn hóa lại” các hoạt động công sở và cách thức các nhân viên cộng tác với nhau nhằm giúp bạn đạt được hiệu năng, độ an toàn và hiệu quả về mặt chi phí hơn nữa.



CHẤT LƯỢNG ÂM THANH ĐẦU NGÀNH

Khi nhắc tới chất lượng âm thanh rõ nét vượt trội không thể không nhắc tới âm thanh kỹ thuật số. Với dòng máy cầm tay XiR P6600, bạn sẽ được trải nghiệm chất lượng âm thanh kỹ thuật số trên khắp vùng phủ sóng cùng với những tính năng độc đáo nhằm giúp nhân viên của bạn gọi và nghe rõ ràng hơn dù họ đang làm việc ở vị trí nào.

Với công nghệ Âm thanh Thông minh, âm lượng của bộ đàm sẽ được tự động tùy chỉnh cho phù hợp với độ ồn nền. Giờ đây, các công nhân sẽ không phải lo điều chỉnh lại âm lượng của bộ đàm để tránh bị lỡ cuộc gọi trong môi trường có tiếng ồn lớn hoặc làm phiền người khác khi họ di chuyển đến khu vực yên tĩnh hơn. Khả năng nén ồn nền tăng cường giúp loại bỏ tiếng ồn bên ngoài không mong muốn từ tiếng động cơ của xe nâng hàng cho đến tiếng ồn ào của hành lang trường học. Các phụ kiện âm thanh IMPRES™ giúp tăng cường khả năng nén ồn và cải thiện chất lượng âm thoại cho âm thanh mạnh mẽ hơn bất kỳ sản phẩm nào mà họ đã trải nghiệm trước đây.

VẬN HÀNH CÔNG SUẤT CAO

Dòng sản phẩm XiR P6600 sử dụng công nghệ kỹ thuật số TDMA cung cấp dung lượng thoại cao gấp hai lần và giúp liên lạc thoại rõ nét hơn. Đối với khả năng vận hành của pin, các dòng bộ đàm kỹ thuật số hoạt động lâu hơn 40% giữa các lần sạc so với các dòng máy analog. Trên thực tế, công nghệ IMPRES™ hàng đầu tích hợp trong các phụ kiện pin, sạc và âm thanh của chúng tôi cũng đảm bảo thời lượng thoại lâu hơn và âm thanh rõ nét hơn.

Dòng sản phẩm XiR P6600 cung cấp rất nhiều tính năng giúp các công nhân làm việc hiệu quả hơn. Tính năng thông báo bằng âm thoại cung cấp khả năng xác nhận bằng âm thanh về việc thay đổi kênh và vùng phủ sóng cũng như các tính năng phím bấm lập trình được mà không cần phải nhìn màn hình máy. Màn hình và menu điều hướng thân thiện giúp sản phẩm dễ sử dụng về mặt trực quan, nhờ vậy người dùng - từ những lễ tân khách sạn xác nhận việc trả phòng của khách cho tới các bảo vệ trong trường tham gia giám sát một sự kiện có thể tập trung hoàn toàn vào công việc đang làm.

CHUYỂN ĐỔI TÙY THEO KHẢ NĂNG CỦA BẠN

Duy trì hoạt động liên tục trong khi chuyển đổi các hệ thống liên lạc là vô cùng quan trọng đối với công việc của bạn. Việc chuyển đổi sang hệ thống kỹ thuật số sẽ vô cùng dễ dàng bởi dòng sản phẩm XiR P6600 hoạt động ở cả hai chế độ analog và kỹ thuật số trong khi tính năng của trạm lặp ở chế độ hỗn hợp động giúp đơn giản hóa việc chuyển đổi tự động giữa các cuộc gọi analog và kỹ thuật số. Vì vậy, bạn có thể bắt đầu sử dụng các bộ đàm và trạm lặp MOTOTRBO trên hệ thống analog hiện có của bạn. Sau đó, bạn có thể chuyển đổi hẳn sang kỹ thuật số khi thời điểm và ngân sách cho phép.

HOẠT ĐỘNG BỀN BỈ SUỐT CẢ NGÀY

Dòng sản phẩm XiR P6600 đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe như IP55 về độ chống thấm nước và các tiêu chuẩn quân sự Hoa Kỳ 810 C, D, E, F và G cùng với 2 năm bảo hành tiêu chuẩn và tối thiểu một năm bảo hành cho các loại phụ kiện.

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA DÒNG SẢN PHẨM XIR P6600

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG				
		XiR P6620 CÓ MÀN HÌNH		XiR P6600 KHÔNG CÓ MÀN HÌNH
		VHF	UHF	VHF UHF
Công suất kênh		256	256	16 16
Tần số		136-174MHz	403-527 MHz	136-174 MHz 403-527 MHz
Pin lõi NiMH (1300mAh)	Cao (C)	4,80 inch / 122 mm		4,80 inch / 122 mm
	Rộng (R)	2,20 inch / 56 mm		2,20 inch / 56 mm
	Dày (D)	1,55 inch / 39,4 mm		1,55 inch / 39,4 mm
	Trọng lượng	13,2 oz (375 g)		12,5 oz (355 g)
Pin IMPRES dung lượng cao Li-ion Non-FM (2150 mAh)	Cao (C)	4,80 inch / 122 mm		4,80 inch / 122 mm
	Rộng (R)	2,20 inch / 56 mm		2,20 inch / 56 mm
	Dày (D)	1,64 inch / 41,7 mm		1,64 inch / 41,7 mm
	Trọng lượng	10,8 oz (305 g)		10,0 oz (285 g)
Pin IMPRES Li-ion Mỏng (1500 mAh)	Cao (C)	4,80 inch / 122 mm		4,80 inch / 122 mm
	Rộng (R)	2,20 inch / 56 mm		2,20 inch / 56 mm
	Dày (D)	1,43 inch / 36,4 mm		1,43 inch / 36,4 mm
	Trọng lượng	10,0 oz (285 g)		9,3 oz (265 g)
Pin lõi Li-Ion Mỏng (1500 mAh)	Cao (C)	4,80 inch / 122 mm		4,80 inch / 122 mm
	Rộng (R)	2,20 inch / 56 mm		2,20 inch / 56 mm
	Dày (D)	1,43 inch / 36,4 mm		1,43 inch / 36,4 mm
	Trọng lượng	10,0 oz (285 g)		9,3 oz (265 g)
Điện áp		7,5 V (Danh định)		
Nhiệt độ vận hành		-30° ~ +60° C		
Mô tả FCC		ABZ99FT3088	ABZ99FT4089	ABZ99FT3088 ABZ99FT4089
Mô tả IC		109AB-99FT3088	109AB-99FT4089	109AB-99FT3088 109AB-99FT4089
Pin lõi NiMH (1300 mAh)	Analog: 7 tiếng		Analog: 7 tiếng	
	Kỹ thuật số: 10 tiếng		Kỹ thuật số: 10 tiếng	
Pin IMPRES Li-ion MÃNH (1500 mAh) Pin lõi Li-Ion mảnh (1500 mAh)	Analog: 8 tiếng		Analog: 8 tiếng	
	Kỹ thuật số: 11,5 tiếng		Kỹ thuật số: 11,5 tiếng	
Pin IMPRES Công suất cao Li-ion Non-FM (2150 mAh)	Analog: 11,5 tiếng		Analog: 11,5 tiếng	
	Kỹ thuật số: 16,5 tiếng		Kỹ thuật số: 16,5 tiếng	

Thời lượng pin trung bình ở chế độ vận hành 5/5/90 với tính năng tiết kiệm pin cài đặt ở chế độ carrier squelch và phát ở mức công suất cao.

CÁC TIÊU CHUẨN QUÂN SỰ CHO MÁY CÓ MÀN & KHÔNG MÀN HÌNH										
810C			810D		810E		810F		810G	
CÁC TIÊU CHUẨN QUÂN SỰ ÁP DỤNG	PHƯƠNG PHÁP	QUI TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUI TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUI TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUI TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUI TRÌNH
Áp suất thấp	500.1	I	500.2	II	500.3	II	500.4	II	500.5	II
Nhiệt độ cao	501.1	I, II	501.2	I/A1, II/A1	501.3	I/A1, II/A1	501.4	I/Nóng, II/Nóng	501.5	I-A1, II
Nhiệt độ thấp	502.1	I	502.2	I/C3, II/C1	502.3	I/C3, II/C1	502.4	I-C3, II/C1	502.5	I, II
Sốc nhiệt	503.1	-	503.2	I/A1/C3	503.3	I/A1/C3	503.4	I	503.5	I-C
Bức xạ mặt trời	505.1	II	505.2	I	505.3	I	505.4	I	505.5	I-A1
Mưa	506.1	I, II	506.2	I, II	506.3	I, II	506.4	I, III	506.5	I, III
Độ ẩm	507.1	II	507.2	II	507.3	II	507.4	-	507.5	II
Sương muối	509.1	-	509.2	-	509.3	-	509.4	-	509.5	-
Bụi	510.1	I	510.2	I	510.3	I	510.4	I	510.5	I
Rung	514.2	VIII/F, Cong-W	514.3	I/10, II/3	514.4	I/10, II/3	514.5	I/24	514.6	I-cat 24, II/5
Sóc	516.2	I, II	516.3	I, IV	516.4	I, IV	516.5	I, IV	516.6	I, IV, VI

THIẾT BỊ THU		
	VHF	UHF
Tần số	136-174 MHz	403-527 MHz
Độ giãn cách kênh	12,5/25 kHz	
Độ ổn định tần số	± 0,5 ppm	
Độ nhạy analog (12dB SINAD)	0,3uV	
Điện hình	0,22uV (điển hình)	
Độ nhạy chế độ kỹ thuật số	0,25 uV (0,19 uV điển hình)	
Điều chế giao thoa (TIA603D)	70 dB	
Độ chọn lọc kênh lân cận (TIA603A)-1T	60dB @ 12,5kHz / 70dB @ 25 kHz	
Độ chọn lọc kênh lân cận (TIA603D)-2T	45dB @ 12,5kHz / 70dB @ 25 kHz	
Loại trừ tín hiệu giả (TIA603D)	70 dB	
Công suất âm tần danh định	0,5W	
Độ méo âm tần	5% 3% (điển hình)	
Nhiều và tiếng rít	‘-40dB @ 12,5kHz / -45dB @ 25 kHz	
Đáp tuyến âm tần	TIA603D	
Bức xạ tín hiệu giả được truyền dẫn (TIA603D)	-57 dBm	

CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG: MÁY CÓ MÀN HÌNH XIR P6620 & MÁY KHÔNG MÀN HÌNH XIR P6600	
Nhiệt độ vận hành	‘-30° C / +60° C
Nhiệt độ bảo quản	‘-40° C / +85° C
Sốc nhiệt	Với mỗi tiêu chuẩn MIL-STD
Độ ẩm	Với mỗi tiêu chuẩn MIL-STD
Chống tĩnh điện ESD	IEC 61000-4-2 Cấp độ 3
Chống bụi và ngưng nước	IEC60529 - IP55
Kiểm tra đóng gói	MIL-STD 810D và E

Thử nghiệm hoàn thành trên máy bộ đàm cầm tay có gắn pin và ăng-ten.

THIẾT BỊ PHÁT		
	VHF	UHF
Tần số	136-174 MHz	403-527 MHz
Độ giãn cách kênh	12,5/25kHz	
Độ ổn định tần số	± 0,5 ppm	
Công suất đầu ra thấp	1W	1W
Công suất đầu ra cao	5W	4W
Giới hạn điều biến	± 2,5 kHz @ 12,5 kHz	
	± 5,0 kHz @ 25 kHz	
Nhiều và tiếng rít FM	‘-40 dB@ 12,5 kHz	
	‘-45 dB@ 25 kHz	
Bức xạ truyền dẫn/lan tỏa	‘-36 dBm < 1 GHz	
	‘-30 dBm > 1 GHz	
Công suất kênh lân cận	60 dB @ 12,5 kHz	
	70 dB @ 25 kHz	
Đáp tuyến âm tần	TIA603D	
Độ méo âm tần	3%	
Điều chế số 4FSK	12,5kHz Dữ liệu: 7K60F1D & 7K60FXD	
	12,5kHz Thoại: 7K60F1E & 7K60FXE	
	Kết hợp giữa Thoại và Dữ liệu ở tần số 12,5 kHz: 7K60F1W	
Kiểu Vocoder kỹ thuật số	AMBE+2™	
Giao thức kỹ thuật số	‘ETSI TS 102 361 -1,-2,-3	

Vui lòng liên hệ đại diện phụ trách bán hàng của Motorola để biết thêm thông tin về thời lượng pin dựa trên cấu hình đặc trưng ở bộ đàm của bạn.

Thông số kỹ thuật có thể thay đổi không cần báo trước. Toàn bộ các chỉ tiêu là giá trị điển hình.

Máy bộ đàm đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

Để biết thêm thông tin về các sản phẩm bộ đàm kỹ thuật số, vui lòng truy cập motorolasolutions.com/mototrbo

Motorola Solutions Singapore Pte Ltd 12 Ang Mo Kio Street 64, Ang Mo Kio Industrial Park 3, UE Biz Hub, Block A, Level 7 Singapore 569088
motorolasolutions.com

MOTOROLA, MOTO, MOTOROLA SOLUTIONS và Logo M cách điệu là thương hiệu hoặc các thương hiệu đã được đăng ký sở hữu trí tuệ của Motorola Trademark Holdings, LLC chỉ được sử dụng khi có sự cho phép. Tất cả các thương hiệu khác thuộc sở hữu của các chủ sở hữu tương ứng. ©2012 Motorola Solutions, Inc. Bản quyền được bảo hộ. AR3-04-002

MOTOTRBO
DIGITAL
REMASTERED.

